

1. MÔN TOÁN 9 – TUẦN 8

ÔN TẬP CHƯƠNG I

A. Lý thuyết:

1/ Định nghĩa căn bậc hai: Với $a \geq 0$,

$$x = \sqrt{a} \Leftrightarrow \begin{cases} x \geq 0 \\ x^2 = a \end{cases}$$

2/ $\sqrt{a^2} = |a|$

3/ \sqrt{A} xác định khi và chỉ khi $A \geq 0$

4/ $\sqrt{A \cdot B} = \sqrt{A} \cdot \sqrt{B}$ ($A \geq 0, B \geq 0$)

5/ $\sqrt{\frac{A}{B}} = \frac{\sqrt{A}}{\sqrt{B}}$ ($A \geq 0, B > 0$)

6/ Các phép biến đổi đơn giản căn thức bậc hai:

a/ Đưa thừa số ra ngoài dấu căn:

$$\sqrt{A^2 \cdot B} = |A| \sqrt{B} \quad (B \geq 0)$$

b/ Đưa thừa số vào trong dấu căn:

$$A \sqrt{B} = \sqrt{A^2 \cdot B} \quad (A \geq 0, B \geq 0)$$

$$A \sqrt{B} = -\sqrt{A^2 \cdot B} \quad (A < 0, B \geq 0)$$

c/ Khử mẫu biểu thức lấy căn:

$$\sqrt{\frac{A}{B}} = \frac{\sqrt{A \cdot B}}{|B|} \quad (A \cdot B \geq 0, B \neq 0)$$

d/ Trục căn thức ở mẫu:

$$+ \frac{A}{\sqrt{B}} = \frac{A \sqrt{B}}{B} \quad (B > 0)$$

$$+ \frac{C}{\sqrt{A \pm B}} = \frac{C(\sqrt{A} \mp B)}{A - B^2} \quad (A \geq 0, A \neq B^2)$$

$$+ \frac{C}{\sqrt{A \pm \sqrt{B}}} = \frac{C(\sqrt{A} \mp \sqrt{B})}{A - B} \quad (A \geq 0, B \geq 0, A \neq B)$$

B. Bài tập:

BT 70: Tính giá trị biểu thức:

a/ $\sqrt{\frac{25}{81} \cdot \frac{16}{49} \cdot \frac{196}{9}} = \sqrt{\frac{25}{81} \cdot \frac{16}{49} \cdot \frac{196}{9}} = \frac{\sqrt{25}}{\sqrt{81}} \cdot \frac{\sqrt{16}}{\sqrt{49}} \cdot \frac{\sqrt{196}}{\sqrt{9}} = \frac{5}{9} \cdot \frac{4}{7} \cdot \frac{14}{3} = \frac{40}{27}$

c/ $\frac{\sqrt{640} \cdot \sqrt{34,3}}{\sqrt{567}} = \frac{\sqrt{640 \cdot 34,3}}{\sqrt{567}} = \sqrt{\frac{64 \cdot 343}{567}} = \sqrt{64} \cdot \sqrt{\frac{7 \cdot 49}{7 \cdot 81}} = 8 \cdot \frac{\sqrt{49}}{\sqrt{81}} = \frac{8 \cdot 7}{9} = \frac{56}{9}$

d/ $\sqrt{21,6} \cdot \sqrt{810} \cdot \sqrt{11^2 - 5^2} = \sqrt{21,6 \cdot 810} \cdot \sqrt{(11-5) \cdot (11+5)}$
 $= \sqrt{216 \cdot 81} \cdot \sqrt{6 \cdot 16} = \sqrt{216 \cdot 81 \cdot 6 \cdot 16} = \sqrt{6^4 \cdot 9^2 \cdot 4^2} = \sqrt{6^4} \cdot \sqrt{9^2} \cdot \sqrt{4^2} = 36 \cdot 9 \cdot 4 = 1296$

BT 71: Rút gọn biểu thức:

a/ $(\sqrt{8} - 3\sqrt{2} + \sqrt{10})\sqrt{2} - \sqrt{5}$
 $= \sqrt{8} \cdot \sqrt{2} - 3\sqrt{2} \cdot \sqrt{2} + \sqrt{10} \cdot \sqrt{2} - \sqrt{5} = \sqrt{16} - 3 \cdot 2 + \sqrt{20} - \sqrt{5} = 4 - 6 + 2\sqrt{5} - \sqrt{5} = \sqrt{5} - 2$

b/ $0,2 \cdot \sqrt{(-10)^2 \cdot 3} + 2\sqrt{(\sqrt{3} - \sqrt{5})^2}$
 $= 0,2 \cdot |-10| \sqrt{3} + 2|\sqrt{3} - \sqrt{5}| = 0,2 \cdot 10 \sqrt{3} + 2\sqrt{5} - 2\sqrt{3} = 2\sqrt{3} + 2\sqrt{5} - 2\sqrt{3} = 2\sqrt{5}$

BT 72: Phân tích thành nhân tử:

c/ $\sqrt{a+b} + \sqrt{a^2 - b^2}$ với $a \geq b \geq 0$

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 8

$$= \sqrt{a+b} + \sqrt{a+b} \cdot \sqrt{a-b} = \sqrt{a+b}(1 + \sqrt{a-b}) \quad (a - b \geq 0)$$

$$d) 12 - \sqrt{x} - x = 3 - \sqrt{x} + 9 - x = 3 - \sqrt{x} + (3 - \sqrt{x}) \cdot (3 + \sqrt{x}) = (3 - \sqrt{x}) \cdot (1 + 3 + \sqrt{x}) = (3 - \sqrt{x}) \cdot (4 + \sqrt{x})$$

BT 74: Tìm x:

$$a/ \sqrt{(2x-1)^2} = 3 \Leftrightarrow |2x-1| = 3$$

$$* 2x - 1 = 3 \Leftrightarrow 2x = 4 \Rightarrow x = 2$$

$$* 2x - 1 = -3 \Leftrightarrow 2x = -2 \Rightarrow x = -1$$

BT 75: Chứng minh đẳng thức:

$$a/ \left(\frac{2\sqrt{3} - \sqrt{6}}{\sqrt{8} - 2} - \frac{\sqrt{216}}{3} \right) \cdot \frac{1}{\sqrt{6}} = -1,5. \text{ Ta có:}$$

$$\left(\frac{2\sqrt{3} - \sqrt{6}}{\sqrt{8} - 2} - \frac{\sqrt{216}}{3} \right) \cdot \frac{1}{\sqrt{6}} = \left(\frac{\sqrt{3}(2 - \sqrt{2})}{\sqrt{2}(2 - \sqrt{2})} - \frac{6\sqrt{6}}{3} \right) \cdot \frac{1}{\sqrt{6}} = \left(\frac{\sqrt{6}}{2} - 2\sqrt{6} \right) \cdot \frac{1}{\sqrt{6}} = -\frac{3}{2} \sqrt{6} \cdot \frac{1}{\sqrt{6}} = -1,5$$

$$c/ \frac{a\sqrt{b} + b\sqrt{a}}{\sqrt{ab}} : \frac{1}{\sqrt{a} - \sqrt{b}} = a - b \text{ với } a, b > 0, a \neq b$$

$$\text{Ta có: } \frac{a\sqrt{b} + b\sqrt{a}}{\sqrt{ab}} : \frac{1}{\sqrt{a} - \sqrt{b}} = \frac{\sqrt{ab}(\sqrt{a} + \sqrt{b})}{\sqrt{ab}} \cdot (\sqrt{a} - \sqrt{b}) = a - b \text{ (đpcm)}$$

BT 76:

$$a/Q = \frac{a}{\sqrt{a^2 - b^2}} - \left(1 + \frac{a}{\sqrt{a^2 - b^2}} \right) : \frac{b}{a - \sqrt{a^2 - b^2}} \quad (a > b > 0)$$

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } Q &= \frac{a}{\sqrt{a^2 - b^2}} - \left(\frac{\sqrt{a^2 - b^2} + a}{\sqrt{a^2 - b^2}} \right) \cdot \frac{a - \sqrt{a^2 - b^2}}{b} \\ &= \frac{a}{\sqrt{a^2 - b^2}} - \frac{(a + \sqrt{a^2 - b^2}) \cdot (a - \sqrt{a^2 - b^2})}{b \cdot \sqrt{a^2 - b^2}} = \frac{a}{\sqrt{a^2 - b^2}} - \frac{a^2 - (a^2 - b^2)}{b \sqrt{a^2 - b^2}} = \frac{a - b}{\sqrt{a^2 - b^2}} \end{aligned}$$

b/ Khi $a = 3b$:

$$Q = \frac{a - b}{\sqrt{a^2 - b^2}} = \frac{3b - b}{\sqrt{(3b)^2 - b^2}} = \frac{2b}{2b\sqrt{2}} = \frac{\sqrt{2}}{2}$$



ÔN TẬP CHƯƠNG I (tiếp theo)

I. Lý thuyết:

1. Công thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông

2. Định nghĩa tỉ số lượng giác của góc nhọn

3. Một số tính chất của các tỉ số lượng giác

4. Các hệ thức về cạnh và góc trong Δ vuông

$$1) b = a \cdot \sin B = a \cdot \cos C$$

$$c = a \cdot \sin C = a \cdot \cos B$$

$$2) b = c \cdot \tan B = c \cdot \cot C$$

$$c = b \cdot \tan C = b \cdot \cot B$$

*Chú ý: Để giải 1 tam giác vuông cần biết 2 cạnh hoặc 1 cạnh và 1 góc nhọn.

II Bài tập:

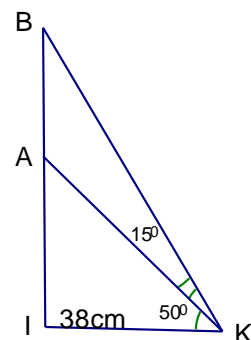
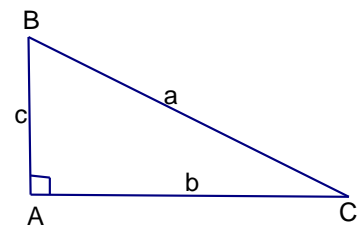
Bài tập 38:

Ta có : IB là cạnh góc vuông của tam giác vuông IBK

$$\text{Nên } IB = IK \cdot \tan(50^\circ + 15^\circ)$$

$$= IB \cdot \tan 60^\circ = 380 \cdot \tan 65^\circ$$

$$\approx 814,9 \text{ (m)}$$



NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 8

Ta lại có IA là cạnh góc vuông của tam giác vuông IAK

Nên $IA = IK \tan 50^\circ = 380 \cdot \tan 50^\circ \approx 452,9$ (m)

Vậy khoảng cách giữa 2 chiếc thuyền là:

$AB = IB - IA \approx 814,9 - 452,9 \approx 36,2$ (m)

Bài tập 39:

Ta có $\cos 50^\circ = \frac{AE}{CE}$

$$\Rightarrow CE = \frac{AE}{\cos 50^\circ} = \frac{20}{\cos 50^\circ} \approx 31,11 \text{ (m)}$$

$$\sin 50^\circ = \frac{FD}{DE} \Rightarrow DE = \frac{FD}{\sin 50^\circ} \approx 6,53 \text{ (m)}$$

Vậy khoảng cách giữa hai cọc là:

$CD = CE - DE$

$$\approx 31,11 - 6,53 \approx 24,6 \text{ (m)}$$

Bài tập 40:

Ta có : AC là cạnh góc vuông của tam giác vuông ABC .

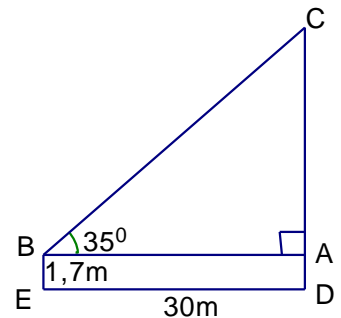
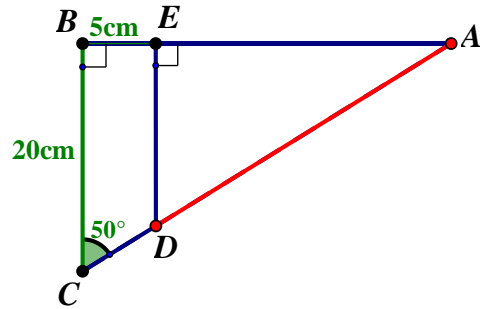
Nên: $AC = AB \cdot \tan B = 30 \cdot \tan 50^\circ$

$$= 30 \cdot 0,7 \approx 21 \text{ (m)}$$

Ta lại có: $AD = BE = 1,7$ m

Vậy chiều cao của cây là:

$$CD = AD + AC = 1,7 + 21 = 22,7 \text{ (m)}$$



Chương II:

ĐƯỜNG TRÒN

SỰ XÁC ĐỊNH ĐƯỜNG TRÒN.

TÍNH CHẤT ĐỐI XỨNG ĐƯỜNG TRÒN.

I. Nhắc lại về đường tròn : (sgk)

-Kí hiệu : $(O; R)$ hoặc (O)

a) Điểm M nằm ngoài $(O; R) \Leftrightarrow OM > R$

b) Điểm M nằm trên $(O; R) \Leftrightarrow OM = R$

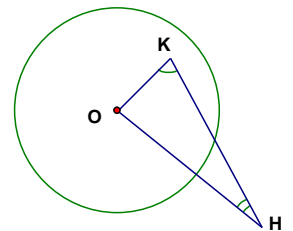
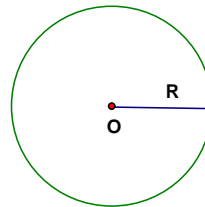
c) Điểm M nằm bên trong $(O; R) \Leftrightarrow OM < R$

?1

Giải : Ta có: $OH > R$ (do H nằm ngoài $(O; R)$)

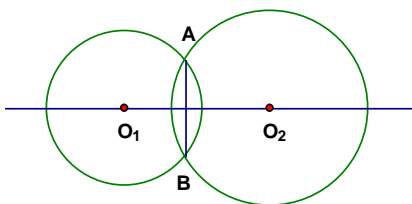
$OK < R$ (do K nằm trong $(O; R)$) $\Rightarrow OH > OK$

Vậy: $\widehat{OKH} > \widehat{OHK}$ (theo định lý về góc và cạnh đối diện trong tam giác)



II. Cách xác định đường tròn:

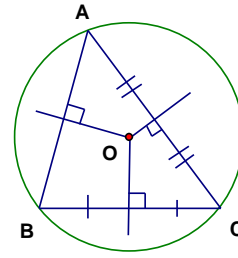
1. Đường tròn qua 2 điểm: có vô số đường tròn qua 2 điểm. Tâm của các đường tròn đó nằm trên đường trung trực của đt nối 2 điểm đó .



2. Đường tròn qua 3 điểm không thẳng hàng : Qua 3 điểm không thẳng hàng ta vẽ được 1 và chỉ 1 đường tròn,

-Tâm của đường tròn là giao điểm của 2 đường trung trực hai cạnh của tam giác

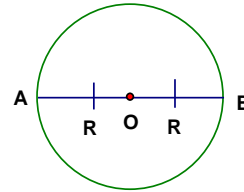
Tam giác ABC gọi là nội tiếp đường tròn (O)



III. Tâm đối xứng:

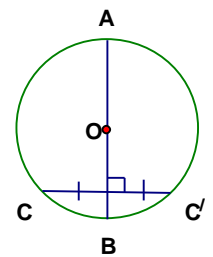
?4 Ta có $OA = OA'$ mà $OA = R$ nên có $O/A = R$
 $\Rightarrow A' \uparrow R$.

Kết luận (SGK)



IV. Trục đối xứng:

?5 Ta có C và C' đối xứng nhau qua AB. Nên AB là trục trục của CC'. Ta lại có $O \uparrow AB \Rightarrow OC' = OC = R$.
 Vậy $C \uparrow (O; R)$



-Kết luận :SGK.

BTVN: Làm bài tập 1, 2, 3 SGK

2. MÔN NGỮ VĂN 9 – TUẦN 8

Tiết 36

Văn bản:

BÀI THƠ VỀ TIẾU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH (tiếp)
 (Phạm Tiến Duật)

2. Hình ảnh người chiến sĩ lái xe.

- Ung dung, hiên ngang:

+ **Nhìn (5 lần):**đất, trời, nhìn thẳng

+ **Thấy:**gió vào xoa mắt đắng; con đường chạy thẳng vào tim; sao trời đột ngột cánh chim.

=>Luôn hướng về phía trước

+ Chỉ có ở những con người can đảm, vượt lên trên những thử thách khốc liệt của cuộc sống chiến tranh mới có cái nhìn đậm chất lãng mạn, thi vị như vậy.

+ Sử dụng điệp từ, nhịp thơ dồn dập, giọng khoẻ khoắn, tràn đầy niềm vui sức trẻ.

- Xe không có kính, không đèn, không mui nên bụi phun, mưa tuôn, mưa xối, gió xoa mắt đắng...dù vậy, người lính vẫn luôn lạc quan vượt qua.

+ Thể hiện tinh thần dũng cảm, bất chấp gian khổ, thách thức của cuộc sống chiến đấu, người lính luôn lạc quan, sôi nổi, vui tươi; sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ cao cả.

- Các hình ảnh: *phì phèo châm điều thuốc, bắt tay qua cửa kính vỡ rồi, bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời, chum bát đũa, gia đình, vồng mắc chông chênh...* =>đoàn kết, cởi mở, thân thiện, chia sẻ, gắn bó keo sơn, tình đồng đội thấm đượm.

- Hình ảnh hoán dụ (**1 trái tim**): khó khăn không thể ngăn cản ý chí tinh thần hiên ngang, bất khuất của người lính, một vẻ đẹp của sự trung thành gắn với lí tưởng cách mạng với giải phóng dân tộc.

III. Tổng kết:

- Nghệ thuật:

- Lựa chọn chi tiết độc đáo, có tính chất phát hiện, hình ảnh đậm chất hiện thực.
- Ngôn ngữ hóm hỉnh, nhịp điệu linh hoạt, thản nhiên, giọng điệu ngang tàng, trẻ trung và tinh nghịch.

- **Nội dung:** Bài thơ ca ngợi chiến sĩ lái xe dũng cảm, hiên ngang, tràn đầy niềm tin, lạc quan.

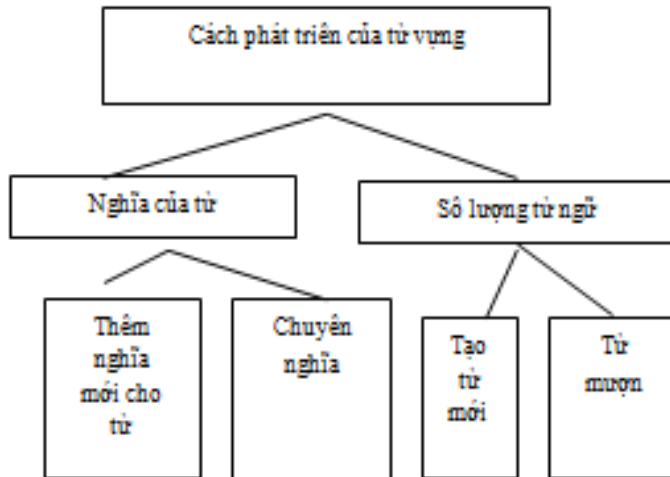
Tiết 37

TỔNG KẾT TỪ VỰNG (Tr 135)

(Các mục IV, V KK học sinh tự đọc)

I. Sự phát triển của từ vựng:

Câu 1. Ôn lại các cách phát triển của từ vựng:



Câu 2. Những cách phát triển của từ vựng:

- Phát triển nghĩa của từ
- Tạo từ mới
- Mượn từ

Câu 3. Có thể có ngôn ngữ mà từ vựng chỉ phát triển theo cách phát triển về số lượng từ ngữ hay không? Vì sao?

- Không.
- Vì: Khái niệm mới và các sự vật hiện tượng là vô hạn nên phải có từ mới ứng với các sự vật đó.

II. Từ mượn

Câu 1.

- Bộ phận quan trọng nhất trong TV là từ mượn tiếng Hán (gồm gốc Hán và từ Hán Việt)
- Ngoài ra tiếng Việt còn mượn từ của một số ngôn ngữ khác như: tiếng Anh, tiếng Pháp, Nga...

Câu 2. Câu c đúng

Câu 3. Từ mượn không có dấu gạch ngang ở giữa là đã Việt hóa; những từ có dấu gạch ngang là chưa Việt hóa hoàn toàn.

III. Từ Hán Việt:

Câu 1. Trong TV có một khối lượng khá lớn từ HV. Tiếng đề cấu tạo từ HV gọi là yếu tố HV

- Trong từ HV có:

- + Từ ghép đẳng lập: (HS lấy VD)
- + Từ ghép chính phụ: (HS lấy VD)

Câu 2. Câu b đúng

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (tiếp theo Tr 146)

(Mục I KK học sinh tự đọc)

II - Một số phép tu từ từ vựng:

1/ Ôn lí thuyết:

- **So sánh:** Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. (*Ngữ văn 6, tập II, trang 68*)

- **Ẩn dụ:** Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. (*Ngữ văn 6, tập II, trang 69*)

- **Nhân hoá:** Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, ... bằng những từ ngữ vốn được đem dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật, ... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người. (*Ngữ văn 6, tập II, trang 57*)

- **Hoán dụ:** Là tên gọi sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm làm tăng sức gợi cảm, gợi hình cho sự diễn đạt. (*Ngữ văn 6, tập II, trang 82*)

- **Nói quá:** Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. (*Ngữ văn 8, tập I, trang 102*)

- **Nói giảm nói tránh:** Là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự. (*Ngữ văn 8, tập I, trang 108*)

- **Chơi chữ:** Là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước, ... làm câu văn hấp dẫn và thú vị. (*Ngữ văn 7 tập I trang 164*)

- Điệp ngữ: là sự lặp lại từ ngữ nhằm nhấn mạnh, làm nổi bật gây cảm xúc mạnh.

2/ Luyện tập:

Bài tập 2:

a) **Phép ẩn dụ tu từ:** Từ hoa, cách dùng để chỉ Thuý Kiều và cuộc đời của nàng; từ cây, lá dùng để chỉ gia đình của Thuý Kiều và cuộc sống của họ. Ý nói Thuý Kiều bán mình để cứu gia đình.

b) **Phép so sánh tu từ:** So sánh tiếng đàn của Thuý Kiều với tiếng hạc, tiếng suối, tiếng gió thoảng, tiếng trời đổ mưa.

2. Bài tập 2.

a. **Phép ẩn dụ:** Hoa rã cánh chỉ cuộc đời Kiều, lá xanh cây chỉ gia đình Kiều

b. **Phép so sánh**

c. **Phép nói quá:** Thuý Kiều có sắc đẹp đến mức Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. Thuý Kiều không chỉ đẹp mà còn có tài: Một hai nghiêng nước nghiêng thành - Sắc đành đòi một tài đành họa hai. Nhờ biện pháp nói quá, Nguyễn Du đã thể hiện đầy ấn tượng một nhân vật tài sắc vẹn toàn.

d. **Phép nói quá:** Góc Quan Âm, nơi Thuý Kiều bị Hoạn Thư bắt ra chệp kinh, rất gần với phòng đọc sách của Thúc Sinh. Tuy cùng ở trong khu vườn nhà Hoạn Thư, gần nhau trong gang tấc, nhưng giờ đây hai người cách trở gấp mười quan san. bằng lối nói quá, Nguyễn Du cực tả sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ Thuý Kiều và Thúc Sinh.

e. **Phép chơi chữ:** Tài và tai. Vừa gần âm vừa thể hiện quan niệm phong kiến: Tài tử đa truân.

3. Bài tập 3

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 8

a. Phép điệp ngữ (*còn*) và dùng từ đa nghĩa (*say sưa*). Say sưa vừa được hiểu là chàng trai vì uống nhiều rượu mà say, vừa được hiểu là chàng trai say đắm vì tình. Nhờ cách nói đó mà chàng trai đã thể hiện tình cảm của mình kín đáo mà mạnh mẽ.

b. Tác giả dùng **phép nói quá** để nói về sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn.

c. Phép so sánh:

+ Tiếng suối như tiếng hát=> trong trẻo, vọng lại

+ Cảnh khuya như một bức tranh vẽ

- Phép nhân hóa: trăng và bóng lồng vào nhau.

- Điệp ngữ: chưa ngủ-chưa ngủ.

d. Phép nhân hoá: nhà thơ đã nhân hoá ánh trăng, biến ánh trăng thành người bạn tri âm tri kỉ (*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*). Nhờ phép nhân hoá mà thiên nhiên trong bài thơ trở nên sống động hơn, có hồn hơn và gắn bó với con người hơn.

e. Phép ẩn dụ tu từ: Từ *mặt trời* trong câu thơ thứ hai chỉ em bé trên lưng mẹ. Ẩn dụ này thể hiện sự gắn bó của đứa con với người mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng, niềm tin của mẹ vào ngày mai./.

Tiết 39, 40

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

(Huy Cận)

I. Đọc-tìm hiểu chung:

1. Tác giả, tác phẩm:

- Huy Cận (1919 –2005) quê Hà Tĩnh, là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới với tập thơ “Lửa thiêng”.

- Bài thơ: “*Đoàn thuyền đánh cá*” ra đời giữa năm 1958, trong chuyến đi thực tế dài ngày ở Quảng Ninh của Huy Cận.

2. Đọc – chú thích: sgk

3. Bố cục:

- **Phần 1 (khổ thơ 1, 2):** cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi

- **Phần 2 (khổ 3, 4, 5, 6):** Cảnh đoàn thuyền đánh cá ngoài khơi

- **Phần 3 (khổ cuối):** cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi (khổ 1, 2):

***Khổ 1:**

- Thời gian: khi hoàng hôn buông xuống

- Điểm nhìn: từ giữa khơi xa nhìn vào bờ

- Hình ảnh so sánh: *Mặt trời như hòn lửa.*

- Hình ảnh ẩn dụ, nhân hóa: *Sóng cài then, đêm sập cửa.*

+ Cảnh hoàng hôn trên biển đẹp lung linh, tráng lệ, đầy sức sống.

+ Có sự đối lập giữa vũ trụ và con người, khi vũ trụ nghỉ ngơi thì con người lại ra khơi.

=>Tiếng hát cất lên diễn tả niềm vui, yêu đời, yêu lao động, yêu cuộc sống tự do.

***Khổ 2:**

- Lần thứ 2 tiếng hát lại cất lên gọi lên niềm vui, mong ước về một chuyến đi bình yên (trời yên biển lặng).

- Nghệ thuật liệt kê: cá bạc, cá thu; phép so sánh: cá như đoàn thoi; nhân hóa: cá đến dệt biển, dệt lưới.

=>Tự hào sự giàu có của biển cả, thể hiện tâm hồn phóng khoáng, yêu thiên nhiên, khát vọng chinh phục biển khơi.

III. Dẫn dò:

- Học thuộc bài thơ.

- Nắm nội dung và nghệ thuật bài thơ.
- Phần: Cảnh đoàn thuyền đánh cá ngoài khơi và Phần: Tổng kết (học tiết sau).
- Soạn trước bài:
- + Nghị luận trong văn bản tự sự.
- + Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận./.

3. MÔN ANH 9 – TUẦN 8

BÀI HỌC TIẾNG ANH TUẦN 8 LỚP 9

Ngữ pháp tiếng Anh Unit 3 lớp 9 Teen stress and pressure

- [I. Câu tường thuật tiếng Anh là gì?](#)
- [II. Cấu trúc câu tường thuật gián tiếp trong tiếng Anh](#)
- [III. Cấu trúc Câu hỏi gián tiếp - Reported questions](#)
- [IV. Bài tập vận dụng](#)

I. Câu tường thuật tiếng Anh là gì?

1. Câu trực tiếp:

- Xuất phát trực tiếp từ người nói
- Xuất phát từ người nghe truyền đạt lại chính xác những ý, từ ngữ mà người nói đã nói để tăng phần kịch tích cho câu chuyện hoặc để nhấn mạnh những từ ngữ vui hoặc lạ mà người nói đã dùng.
- Lời nói trực tiếp thường nằm trong dấu ngoặc kép (dấu trích dẫn)

Ví dụ:

Marry says: ***“I feel angry and empty in the stomach.”***

(Marry nói: *“Tôi cảm thấy khó chịu và trống rỗng ở trong bụng.”*)

Allen tells John: Marry said ***“I feel angry and empty in the stomach.”***

(Allen nói với John: *“Marry nói là ‘Tôi cảm thấy khó chịu và trống rỗng ở trong bụng.’”*)

→ Câu nói *I feel angry and empty in the stomach* là lời nói trực tiếp được nói xuất phát từ Marry và được trích dẫn nguyên câu từ Allen với động từ và chủ ngữ không thay đổi.

2. Câu tường thuật gián tiếp:

- Câu tường thuật tiếng Anh (reported speech) là lời tường thuật lại ý của người nói khi người tường thuật chỉ muốn tường thuật lại thông tin, nội dung trong lời nói của người nói thay vì là từ ngữ.

– Câu tường thuật trong tiếng Anh thường được sử dụng trong báo chí, báo cáo, văn bản hay lời nói tường thuật lại một đoạn hội thoại.

Ví dụ: Nam says: ‘I feel tired’ → ***Nam said that he felt tired.***

(Nam nói rằng câu ấy cảm thấy mệt mỏi)

→ Câu Nam said that he is tired là câu tường thuật gián tiếp vì khi tường thuật lại, ta đã đổi chủ ngữ từ I thành he và động từ feel thành felt.

II. Cấu trúc câu tường thuật gián tiếp trong tiếng Anh

Khi muốn thay đổi 1 câu trần thuật trực tiếp sang 1 câu trần thuật gián tiếp, chúng ta dùng động từ ‘say/tell’ để giới thiệu. Đồng thời cần áp dụng các quy tắc sau:

1. Thay đổi thì của động từ

- Nếu động từ ở thì hiện tại đơn (say/ tell) thì động từ trong câu gián tiếp giữ nguyên thì trong câu trực tiếp.

Ví dụ: *“I always drink coffee in the morning”, she says.*

→ She says that she always drinks coffee in the morning.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 8

Nếu động từ giới thiệu ở thì quá khứ (said/ told) thì động từ trong câu gián tiếp cần thay đổi như sau:

Thì trong lời nói trực tiếp	Thì trong lời nói gián tiếp
Hiện tại đơn “I like sciences.”	→ Quá khứ đơn He said (that) he liked sciences.
Hiện tại tiếp diễn “I am staying for a few days.”	→ Quá khứ tiếp diễn She said (that) she was staying for a few days.
Hiện tại hoàn thành “Nick has left.”	→ Quá khứ hoàn thành She told me (that) Nick had left.
Hiện tại hoàn thành tiếp diễn “Linda has been learning English for 12 years”	→ Quá khứ hoàn thành tiếp diễn She told me (that) Linda had been learning English for 12 years
Quá khứ đơn “Nick left this morning.”	→ Quá khứ hoàn thành She told me (that) Nick had left that morning.
Quá khứ tiếp diễn “I was doing my homework.”	→ Quá khứ tiếp diễn/ Quá khứ hoàn thành tiếp diễn She said (that) she was doing her homework/ she had been doing her homework
Will “Man will travel to Mars.”	→ Would He said (that) man would travel to Mars.
Can “We can swim.”	→ Would They told us (that) they could swim.
May “We may live on the moon.”	→ Would He said (that) We might live on the moon.

2. Đổi ngôi của đại từ nhân xưng, tính từ và đại từ sở hữu.

Trong lời nói trực tiếp	Trong lời nói gián tiếp
i	→ he/ she
we	→ they
you	→ i/ he/ she
my	→ his/ her
our	→ their
your	→ my/ his/ her
mine	→ his/ hers
ours	→ theirs

3. Thay đổi các trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn

Trạng từ trong câu trực tiếp	Trạng từ trong câu gián tiếp
now	→ then
today	→ that day

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 8

here	→ there
this week	→ that week
tomorrow	→ the following day/ the next day
yesterday	→ the day before/ the previous day
last month	→ the month before/ the previous month
tonight	→ that night
ago	→ before
next week	→ the following week/ the week after
these	→ those

Ví dụ:

He said to me, "I and you will go with her father next week."

He told me (that) he and I would go with her father the following week.

III. Cấu trúc Câu hỏi gián tiếp - Reported questions

a. Các quy tắc khi chuyển câu hỏi trực tiếp sang câu hỏi gián tiếp

- Động từ tường thuật được sử dụng trong Câu hỏi Gián tiếp thường là: **asked, required, wondered, wanted to know.**

- Áp dụng quy tắc đổi Đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu giống câu Trần thuật Gián tiếp.

- Áp dụng quy tắc đổi Thì của động từ giống câu Trần thuật Gián tiếp.

- Áp dụng quy tắc đổi các Trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn giống câu Trần thuật Gián tiếp.

- Câu hỏi chuyển sang câu gián tiếp phải được chuyển về dạng KHẲNG ĐỊNH và lược bỏ dấu hỏi chấm.

b. Các dạng câu hỏi gián tiếp

Dạng	Cấu trúc
Câu hỏi Wh-Questions (câu hỏi bắt đầu bằng các từ để hỏi như: What, where, when, why, how...)	S + asked/wondered/wanted to know + O + Wh- + S + V.... Ví dụ: He said to me, "Why did you go with her father last week?" → He asked me why I had gone with her father the week before.
Câu hỏi Yes/No Questions: Dùng "if hoặc whether" để bắt đầu câu hỏi Yes/No gián tiếp.	S + asked/wondered/wanted to know + O + if/whether + S + V.... Ví dụ: He said to me, "Will you go with her father next week?" → He asked me if/whether I would go with her father the following week.

IV. Bài tập vận dụng

Rewrite these following sentences, using the verb in brackets and a to-infinitive clause.

1. "Can I borrow your pencil? (ask)"

He _____
2. “You ought to take a break, Andrew” (advise)

He _____
3. “Why don’t we sing a few songs?” (suggest)

He _____
4. “Would you like to come on a picnic with us?” (invite)

He _____
5. “Stay away from me” (warn)

He _____
Đáp án

1. He asked to borrow my pencil
2. He advised Andrew to take a break
3. He suggested singing a few songs
4. He invited me/ us to come on a picnic with them
5. He warned me to stay away from him

4. MÔN VẬT LÝ 9 – TUẦN 8

Bài 14: BÀI TẬP VỀ CÔNG SUẤT ĐIỆN VÀ ĐIỆN NĂNG SỬ DỤNG

BÀI TẬP 1

a, Điện trở của đèn là:

$$R = \frac{U}{I} = \frac{220}{0,341} \approx 645(\Omega)$$

Công suất của bóng đèn là

$$P = U.I \Rightarrow P = 220.0,341 \approx 75(W)$$

b, Điện năng tiêu thụ của bóng đèn trong 30 ngày

$$A = P.t \Rightarrow A = 75.4.30.3600 = 32400000(J)$$

$$A = 32400000:3,6.10^6 \approx 9(KW.h) = 9(\text{số})$$

$$\text{hoặc } A = Pt = 0,075.4.30 \approx 9(KW.h) = 9(\text{số})$$

BÀI TẬP 2

a, Đèn sáng bình thường do đó:

$$U_D = 6V, P = 4,5W$$

$$\text{Từ công thức: } P = U.I \Rightarrow I = P/U$$

$$\Rightarrow I_D = P/U_D = 4,5/6 = 0,75(A)$$

$$\text{Vì } (A) \text{ nt } R_b \text{ nt } D \Rightarrow I_D = I_A = I_b = 0,75(A)$$

b, Ta có:

$$U = U_b + U_D \Rightarrow U_b = U - U_D \Rightarrow U_b = 9 - 6 = 3(V)$$

Điện trở của biến trở tham gia vào mạch là:

$$R_b = \frac{U_b}{I_b} = \frac{3}{0,75} = 4(\Omega)$$

Công suất của biến trở khi đó là:

$$P_b = U_b.I_b = 3.0,75 = 2,25(W)$$

$$c, * A_b = P_b.t = 2,25.600 = 2350(J)$$

$$* A = U.I.t = 0,75.9.600 = 4050(J)$$

BÀI TẬP 3

a, Vì đèn và bàn là có cùng hđt định mức bằng hđt ở ổ lấy điện, do đó để cả hai hoạt động bình thường thì trong mạch điện đèn và bàn là phải mắc song song.

Vì đèn và bàn là hoạt động bình thường do đó:

$$U_1 = U_2 = U = 220V$$

$$P_1 = 100W, P_2 = 1000W$$

Áp dụng công thức: $P = \frac{U^2}{R} \Rightarrow R = \frac{U^2}{P}$

$$\Rightarrow R_1 = \frac{U_1^2}{P_1} = \frac{220^2}{100} = 484(\Omega)$$

$$R_2 = \frac{U_2^2}{P_2} = \frac{220^2}{1000} = 48,4(\Omega)$$

- Vì (Đ)/(BL)

$$\Rightarrow R_{td} = \frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2} = \frac{484 \cdot 48,4}{484 + 48,4} = 44(\Omega)$$

Công suất tiêu thụ điện của đoạn mạch là:

$$P = P_1 + P_2 = 100 + 1000 = 1100W = 1,1kW$$

Áp dụng công thức: $A = P \cdot t$

$$\Rightarrow A = 1100W \cdot 3600s = 3960000(J)$$

$$\text{hay } A = 1,1kW \cdot 1h = 1,1kW \cdot h$$

ĐS: a, $4,4\Omega$; b, $3960000J$; $1,1kW \cdot h$

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Giải các bài tập trên lớp theo cách khác.
- BTVN (14-SBT); Chuẩn bị mẫu báo cáo TN (43- SGK) trả lời C1.

.....
Bài 16: ĐỊNH LUẬT JUN – LENXƠ

I. Trường hợp điện năng biến đổi thành nhiệt năng

1. Một phần điện năng được biến đổi thành nhiệt năng:

a, Điện năng \Rightarrow nhiệt năng + NLAS : Bóng đèn dây tóc, đèn LED, nồi cơm điện, bàn là
 b, Điện năng \Rightarrow cơ năng + nhiệt năng : máy sấy tóc, máy bơm nước, máy khoan, máy xay sinh tố, quạt điện...

2. Toàn bộ điện năng được biến đổi thành nhiệt năng.

VD : Mỏ hàn, siêu điện, lò sưởi điện,...

$$\rho_{\text{nikêlin}} = 0,4 \cdot 10^{-6} \Omega m$$

$$\rho_{\text{constantan}} = 0,5 \cdot 10^{-6} \Omega m$$

$$\rho_{\text{đồng}} = 1,7 \cdot 10^{-8} \Omega m = 0,017 \cdot 10^{-6} \Omega m$$

\Rightarrow Dây hợp kim nikêlin và constantan có điện trở suất lớn hơn rất nhiều so với điện trở suất của dây đồng.

II. Định luật Jun – Lenxơ

1. Hệ thức của định luật:

Trong trường hợp điện năng biến đổi hoàn toàn thành điện năng: $A = Q$

$$Q = I^2 R t$$

Trong đó:

- R là điện trở của dây dẫn
- I là cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn
- t là thời gian dòng điện chạy qua

2. Xử lý kết quả thí nghiệm:

C1: $A = I^2 R t = (2,4)^2 \cdot 5 \cdot 300 = 8640(J)$

C₂:

Nhiệt lượng của nước nhận được là:

$$Q_1 = m_1 \cdot c_1 \cdot \Delta t^0 = 4200 \cdot 0,2 \cdot 9,5 = 7980 \text{ (J)}$$

Nhiệt lượng của bình nhôm nhận được là:

$$Q_2 = m_2 \cdot c_2 \cdot \Delta t^0 = 880 \cdot 0,078 \cdot 9,5 = 652,08 \text{ (J)}$$

$$\Rightarrow Q = Q_1 + Q_2 = 7980 + 652,08 \\ = 8632,08 \text{ (J)}$$

C₃: $Q \approx A$

Nếu tính cả phần nhỏ nhiệt lượng truyền ra môi trường xung quanh thì: $A = Q$.

3. Định luật Jun - Lenxơ:

Nhiệt lượng tỏa ra ở dây dẫn khi có dòng điện chạy qua tỉ lệ thuận bởi bình phương cường độ dòng điện, với điện trở của dây dẫn và thời gian dòng điện chạy qua:

$$Q = I^2 R t$$

Trong đó:

I đo bằng ampe (A)

R đo bằng Ôm (Ω)

t đo bằng giây (s)

thì Q đo bằng Jun (J)

C₄: Dây tóc bóng đèn có ρ rất lớn so với dây nối \Rightarrow R lớn hơn nhiều với điện trở của dây nối.

$Q = I^2 R t$ mà $I_D = I_{\text{dây nối}} \Rightarrow Q$ tỏa ra ở dây tóc $>$ ở dây nối \Rightarrow Dây tóc bóng đèn nóng tới nhiệt độ cao và phát sáng, còn dây nối hầu như không nóng lên.

C₅:

Vì ấm điện được sử dụng với $U = U_{\text{đm}} = 220 \text{ V}$

$$\Rightarrow P = P_{\text{đm}} = 1000 \text{ W}$$

Theo định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, ta có: $A = Q$

$$\Leftrightarrow P \cdot t = mc \Delta t^0 \Rightarrow t = \frac{mc \cdot (t_2^0 - t_1^0)}{P}$$

$$\Rightarrow t = \frac{4200 \cdot 2 \cdot 80}{1000} = 672 \text{ (s)} \approx 11,2 \text{ (phút)}$$

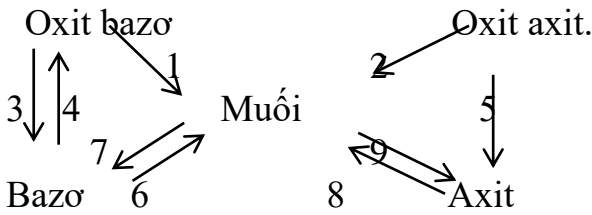
HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- GV y/c HS đọc ghi nhớ.
- 1 HS đọc “Có thể em chưa biết”.
- Học và làm bài tập 16- 17.1 \rightarrow 16- 17.4 (SBT)
- Nghiên cứu trước nội dung bài mới.

5. MÔN HÓA HỌC 9 – TUẦN 8

Bài 12: MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỢP CHẤT VÔ CƠ.

I/Mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ.



II/Những PƯHH minh họa.

- 1) $\text{CuO} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$
- 2) $\text{CO}_2 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$
- 3) $\text{Na}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{NaOH}$
- 4) $\text{Cu}(\text{OH})_2 \xrightarrow{t^0} \text{CuO} + \text{H}_2\text{O}$
- 5) $\text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_3$
- 6) $\text{Cu}(\text{OH})_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$
- 7) $\text{CuSO}_4 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Cu}(\text{OH})_2 + \text{Na}_2\text{SO}_4$
- 8) $3\text{H}_2\text{SO}_4 + 2\text{Al}(\text{OH})_3 \rightarrow \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 + 6\text{H}_2\text{O}$
- 9) $\text{HCl} + \text{CaCO}_3 \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$

III.Bài tập: Làm bài tập 1,2,3/41 sgk(bài 4 giảm tải)

Bài 18. LUYỆN TẬP CHƯƠNG I. CÁC LOẠI HỢP CHẤT VÔ CƠ.

I. Kiến thức cần nhớ

- 1-Phân loại các hợp chất vô cơ.(sgk)
- 2-Tính chất hoá học của các loại hợp chất vô cơ.(sgk)

II-Bài tập.

Bài tập 1.

1.Oxit.

- a- $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca}(\text{OH})_2$.
- b- $\text{CuO} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$
- c- $\text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_3$
- d- $\text{CO}_2 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$
- e- $\text{CO}_2 + \text{CaO} \rightarrow \text{CaCO}_3$.

2. Bazơ.

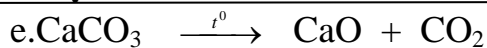
- a- $\text{NaOH} + \text{SO}_2 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_3$.
- b- $\text{Cu}(\text{OH})_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$
- c- $2\text{NaOH} + \text{CuCl}_2 \rightarrow 2\text{NaCl} + \text{Cu}(\text{OH})_2$
- d- $\text{Cu}(\text{OH})_2 \xrightarrow{t^0} \text{CuO} + \text{H}_2\text{O}$.

3. Axit.

- a- $2\text{HCl} + \text{Zn} \rightarrow \text{ZnCl}_2 + \text{H}_2$
- b- $\text{HCl} + \text{KOH} \rightarrow \text{KCl} + \text{H}_2\text{O}$.
- c- $2\text{HCl} + \text{CaO} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$
- d- $\text{H}_2\text{SO}_4 + \text{BaCl}_2 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{HCl}$

4. Muối.

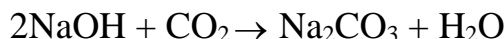
- a. $\text{H}_2\text{SO}_4 + \text{BaCl}_2 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{HCl}$
- b. $2\text{NaOH} + \text{CuCl}_2 \rightarrow 2\text{NaCl} + \text{Cu}(\text{OH})_2$
- c. $\text{NaCl} + \text{AgNO}_3 \rightarrow \text{NaNO}_3 + \text{AgCl}$.
- d. $\text{Zn} + \text{CuCl}_2 \rightarrow \text{ZnCl}_2 + \text{Cu}$.



Bài tập 2.

Câu đúng là e, vì NaOH không PU' với oxi và hơi nước để tạo ra chất rắn màu trắng, NaOH tác dụng với CO_2 tạo ra Na_2CO_3 là chất rắn màu trắng.

PTHH:



*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập và làm các dạng bài tập chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ

.....
6. MÔN SINH HỌC 9 – TUẦN 8

**BÀI TẬP VỀ NHIỆM SẮC THỂ,
PHÁT SINH GIAO TỬ VÀ THỤ TINH**

Bài 1: Có 4 tế bào sinh dưỡng cùng nguyên phân một số lần bằng nhau và đã tạo ra tổng số 256 tế bào con. Xác định số lần nguyên phân của mỗi tế bào.

Hướng dẫn giải:

Gọi x là số lần nguyên phân của mỗi tế bào, suy ra tổng số tế bào con là:

$$a. 2^x = 4.2^x = 256 \rightarrow 2^x = 256 : 4 = 64 = 2^6. \text{ Vậy } x = 6$$

Bài 2: Có 2 tế bào sinh dưỡng cùng loài nguyên phân với số lần không bằng nhau và đã tạo ra tổng số 20 tế bào con. Biết số lần nguyên phân của tế bào I nhiều hơn số lần nguyên phân của tế bào II. Các tế bào con có chứa tất cả 360 NST. Xác định:

- a) Số lần nguyên phân của mỗi tế bào.
- b) Số NST lưỡng bội của loài.
- c) Số NST môi trường cung cấp cho mỗi tế bào nguyên phân.

Hướng dẫn giải:

a) Số lần nguyên phân của mỗi tế bào:

Nếu gọi x là số lần nguyên phân của tế bào. Theo lí thuyết, số tế bào con bằng 2^x , có thể là: $2^1=2$; $2^2=4$; $2^3=8$; $2^4=16$; ...

Hai tế bào mẹ nguyên phân tạo 20 tế bào con. Ta có: $20 = 16 + 4 = 2^4 + 2^2$

Do tế bào I nguyên phân nhiều lần hơn tế bào II nên:

-Tế bào I nguyên phân 4 lần -Tế bào II nguyên phân 2 lần

b) Số NST lưỡng bội của loài: Số NST trong các tb con: $20.2n = 360 \rightarrow 2n = 18$

c) Số NST môi trường cung cấp cho tế bào nguyên phân: Áp dụng : $(2^x - 1).2n$

-Cung cấp cho tế bào I: $(2^4-1).18 = 270$ (NST)

-Cung cấp cho tế bào II: $(2^2-1).18 = 54$ (NST)

Bài 3: Có 3 tế bào mầm của 1 chuột cái đều nguyên phân 5 lần. Các tế bào con tạo ra sau nguyên phân đều trở thành các noãn bào bậc I và giảm phân bình thường. Các trứng được tạo ra đều tham gia thụ tinh với hiệu suất bằng 25%. Xác định:

- a) Số thể định hướng được tạo ra từ quá trình trên.
- b) Số hợp tử được tạo thành.
- c) Giả sử trong quá trình tạo hợp tử nói trên có 192 tinh trùng tham gia thì hiệu suất thụ tinh của tinh trùng bằng bao nhiêu?

Hướng dẫn giải:

a) Số thể định hướng được tạo ra:

- Số tế bào con sau nguyên phân = số noãn bào bậc I: $a.2^x = 3.2^5 = 96$ (tb con)

- Số thể định hướng được tạo ra sau giảm phân: $96 \times 3 = 288$ (thể định hướng)

b) Số hợp tử được tạo thành:

- Số trứng tạo ra = số noãn bào bậc I = 96

- HSTT của trứng bằng 25%. Suy ra số hợp tử đã được tạo thành là: $96 \times 25\% = 24$

c) Hiệu suất thụ tinh của tinh trùng:

- Số tinh trùng thụ tinh = Số hợp tử = 24
- Hiệu suất thụ tinh của tinh trùng: $(24 : 192).100\% = 12,5\%$

CHƯƠNG III – ADN VÀ GEN

Bài 15: ADN

I. Cấu tạo hoá học của phân tử ADN :

- ADN được cấu tạo từ các nguyên tố C, H, O, N và P.
- ADN thuộc loại đại phân tử và cấu tạo theo nguyên tắc đa phân mà đơn phân là các nuclêôtit (gồm 4 loại A, T, G, X).
- Phân tử ADN của mỗi loài sinh vật đặc thù bởi số lượng, thành phần và trình tự sắp xếp của các loại nuclêôtit. Trình tự sắp xếp khác nhau của 4 loại nuclêôtit tạo nên tính đa dạng của ADN.
- Tính đa dạng và đặc thù của ADN là cơ sở phát triển cho tính đa dạng và đặc thù của sinh vật.

II. Cấu trúc không gian của phân tử ADN :

- Phân tử ADN là một chuỗi xoắn kép, gồm 2 mạch đơn song song, xoắn đều quanh 1 trục theo chiều từ trái sang phải.
- Mỗi vòng xoắn cao 34 angstromon gồm 10 cặp nuclêôtit, đường kính vòng xoắn là 20 angstromon.
- Các nuclêôtit giữa 2 mạch liên kết bằng các liên kết hiđro tạo thành từng cặp A-T; G-X theo nguyên tắc bổ sung.
- Hệ quả của nguyên tắc bổ sung:
 - + Do tính chất bổ sung của 2 mạch nên khi biết trình tự đơn phân của 1 mạch có thể suy ra trình tự đơn phân của mạch kia.
 - + Tỷ lệ các loại đơn phân của ADN:
 $A = T; G = X \rightarrow A + G = T + X$
 $(A + G) = (T + X) = 50\%$.

7. MÔN LỊCH SỬ 9 – TUẦN 8

Bài 6: CÁC NƯỚC CHÂU PHI

I. Tình hình chung :

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc diễn ra sôi nổi ở châu Phi, nhiều nước giành được độc lập: Ai Cập, An-giê-ri...
- Năm 1960 gọi là "Năm châu Phi", với 17 nước tuyên bố độc lập.
- Sau khi giành độc lập, châu Phi bắt tay vào xây dựng đất nước thu được nhiều thành tích. Nhiều nước châu Phi vẫn trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu, không ổn định xung đột, nội chiến.
- Châu Phi đã thành lập nhiều tổ chức khu vực để giúp đỡ, hợp tác cùng nhau, lớn nhất là Tổ chức Liên minh châu Phi (AU).

II. Cộng hòa Nam Phi:

- Là nước nằm ở cực Nam châu Phi. Chính quyền thực dân da trắng ở Nam Phi đã thi hành chính sách phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) cực kỳ tàn bạo.
- Dưới sự lãnh đạo của tổ chức “Đại hội dân tộc Phi”(ANC) người da đen đấu tranh kiên trì chống chủ nghĩa A-pac-thai.
- 1993 chế độ A-pác-thai bị xóa bỏ ở Nam Phi.
- 1994 Nen-xon Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên.

8. MÔN ĐỊA LÝ 9 – TUẦN 8

Tiết 15. Bài 11: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP (Tiếp theo)

II) Các nhân tố kinh tế - xã hội

1) Dân cư và lao động

- Thị trường trong nước được chú trọng.
- Thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp cần nhiều lao động và 1 số ngành công nghệ cao, thu hút đầu tư nước ngoài.

2) Cơ sở vật chất kỹ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

- Trình độ công nghệ thấp, chưa đồng bộ. Phân bố tập trung ở 1 số vùng.
- Cơ sở hạ tầng được cải thiện, đặc biệt là ở vùng công nghiệp trọng điểm.

3) Chính sách phát triển công nghiệp

- Chính sách công nghiệp hoá và đầu tư
- Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần
- Chính sách đổi mới cơ chế quản lý và chính sách đối ngoại

4) Thị trường

- Giữ vai trò quan trọng. Không có thị trường thì công nghiệp không phát triển được.
- Hạn chế của hàng công nghiệp VN là về: Chất lượng và mẫu mã => Luôn bị cạnh tranh cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

-Hoạt động luyện tập:

Khoanh tròn vào ý em cho là đúng

1) Lợi thế của nước ta trong hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào công nghiệp là :

- Số dân đông, sức mua lớn.
- Nguồn lao động dồi dào, có khả năng tiếp thu KHKT.
- Môi trường đầu tư ổn định.
- Tất cả các ý kiến trên.

2) Vai trò quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta là:

- Tài nguyên thiên nhiên.
- Nguồn lao động.
- Thị trường tiêu thụ.
- Đường lối chính sách của nhà nước.

Hoạt động vận dụng, mở rộng:

Ở địa phương em có những loại khoáng sản nào? Những loại khoáng sản đó phục vụ cho sự phát triển của những ngành công nghiệp nào?

- Về nhà học bài cũ, làm bài tập 1,2 Tr40
- Nghiên cứu bài mới: Sự phát triển và phân bố công nghiệp

Tiết 16. Bài 12: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I) Cơ cấu ngành công nghiệp

- Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta rất đa dạng.
- Hệ thống công nghiệp gồm:
 - + Cơ sở nhà nước
 - + Cơ sở ngoài nhà nước
 - + Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
- Các ngành công nghiệp trọng điểm phát triển dựa trên những thế mạnh về TNTN và nguồn lao động có sẵn.
- Vai trò các ngành CN trọng điểm
 - + Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 8

+ Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế

II) Các ngành công nghiệp trọng điểm

1. Công nghiệp khai thác nhiên liệu

- Công nghiệp khai thác than chủ yếu tập trung ở Quảng Ninh (chiếm 90% sản lượng khai thác than của cả nước)
- Công nghiệp khai thác dầu khí chủ yếu tập trung tại thềm lục địa phía Nam (Bà Rịa - Vũng Tàu): Đã khai thác được hàng trăm triệu tấn dầu và hàng tỉ m³ khí.
- Than và dầu khí là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta hiện nay.

2) Công nghiệp điện

- Gồm : Thủy điện và nhiệt điện.
- Ngành điện phát triển dựa vào nguồn thủy năng dồi dào, nguồn tài nguyên than và dầu khí phong phú.
- Sản lượng điện nước ta ngày càng tăng để đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội, mỗi năm sx trên 40 tỉ kwh điện

- Hoạt động luyện tập:

- + Kể tên các trung tâm công nghiệp của Tỉnh Quảng Ngãi ?
- + Hãy chứng minh rằng cơ cấu công nghiệp nước ta khá đa dạng?

- Hoạt động mở rộng:

- Về nhà học bài, làm các bài tập 1,2 Tr 47
- Tìm hiểu mục 4,5 phần II, phần III.

9. MÔN CÔNG NGHỆ 9 – TUẦN 8

THỰC HÀNH: NỐI DÂY DẪN ĐIỆN (*Tiết 2*)

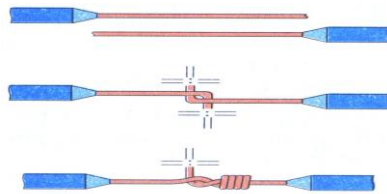
A. Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu:

- SGK.

a. Thực hành nối nối rẽ.

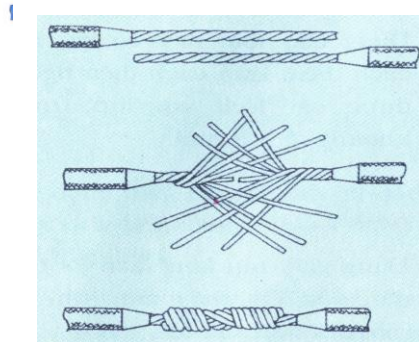
* Nối nối lõi một sợi.

- Uốn gập lõi.
- Vặn xoắn.
- Kiểm tra mối nối



* Nối dây lõi nhiều sợi:

- Bóc vỏ cách điện.
- Nối dây.
- Kiểm tra mối nối.



b. Nối dây bằng phụ kiện.

* Nối dây bằng vít:

- Làm khuyết kín

Nối dây.

* Nối bằng đai ốc, nối dây.

- Làm đầu nối thẳng.
- Nối dây dẫn.
- Kiểm tra mối nối.

10. MÔN GDCD 9 – TUẦN 8

Bài 7 : KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC (tiết 1)

I. Phần nội dung bài học HS ghi vào vở :

1. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

- Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là những giá trị tinh thần hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Dân tộc VN có nhiều truyền thống tốt đẹp đáng tự hào như: yêu nước, bất khuất chống giặc ngoại xâm, đoàn kết, nhân nghĩa, cần cù lao động, hiếu học, tôn sư trọng đạo,...các truyền thống văn hóa, nghệ thuật.

2. Thế nào là kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc là bảo vệ, giữ gìn các truyền thống đó không bị phai nhạt theo thời gian, mà ngày càng phát triển, phong phú hơn, sâu đậm hơn..

3. Vì sao phải kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

Vì đó là tài sản vô giá, góp phần tích cực vào sự phát triển của mỗi cá nhân và cả dân tộc.

4. Trách nhiệm của chúng ta.

- Bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc.
- Tự hào truyền thống dân tộc,
- Phê phán, ngăn chặn tư tưởng, việc làm phá hoại truyền thống tốt đẹp của dân

II. Phần HS tự đọc, tìm hiểu và trả lời các câu hỏi:

HS đọc phần Đặt vấn đề 1 và 2 SGK Tr 23,24,tìm hiểu và trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1.Nội dung phần DVD1/sgk nói về truyền thống gì của dân tộc ta? Truyền thống yêu nước đó được thể hiện như thế nào qua lời nói của Bác Hồ?

Câu 2. : Nhận xét của em về cách cư xử của học trò cũ với thầy giáo Chu Văn An? Cách cư xử đó biểu hiện truyền thống gì? (phần DVD 2).

Câu 3. Em rút ra bài học gì cho bản thân qua phần DVD?

Câu 4. Em hãy kể một số truyền thống tốt đẹp khác của dân tộc VN mà em biết? Nêu một số biểu hiện của truyền thống đó.

Câu 5.Từ những vấn đề trên, em hiểu truyền thống tốt đẹp của dân tộc là gì?

Câu 6. Thế nào là kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

11. MÔN TIN HỌC 9 – TUẦN 8

BÀI THỰC HÀNH 3: SỬ DỤNG THƯ ĐIỆN TỬ (Tiếp theo)

Bài 1: Đăng kí hộp thư

Bài 2: Đăng nhập hộp thư và đọc thư

Bài 3: Soạn và gửi thư

Để soạn và gửi thư, ta thực hiện:

1. Nháy mục **soạn thư** để soạn một thư mới. Cửa sổ soạn thư sẽ được mở như hình sau



2. Gõ địa chỉ của người nhận vào ô **Đến**, gõ tiêu đề thư vào ô **chủ đề** và nội dung thư vào vùng trống phía dưới.
3. Nháy nút **Gửi** để gửi thư

Chú ý: ta có thể gửi tệp đính kèm bằng cách nháy vào nút **Đính kèm tệp** và chọn tệp đính kèm trong cửa sổ được mở ra sau đó.

Bài 4: Gửi thư trả lời

1. Nháy chuột trên liên kết để mở thư cần trả lời.
 2. Nháy nút **Trả lời**. Quan sát thấy địa chỉ người gửi được tự điền vào ô **Đến**
 3. Gõ nội dung trả lời thư vào ô phía dưới
- Nháy nút **Gửi** để gửi thư



BÀI TẬP

Học sinh soạn và trả lời các câu hỏi sau:

1. Ôn tập về mạng máy tính

- Mạng máy tính là gì?
- Nêu lợi ích của mạng máy tính.

2. Ôn tập về Internet

- Internet là gì? Nêu sự khác biệt của internet với mạng LAN và WAN
- Một số dịch vụ trên Internet
- Làm thế nào để máy tính kết nối Internet được

3. Ôn tập về Web

- Siêu văn bản là gì? Cho biết sự khác nhau giữa siêu văn bản và trang web
- Địa chỉ trang web, website và trang chủ
- Để truy cập internet em cần sử dụng phần mềm nào?
- Mục đích của việc sử dụng máy tìm kiếm
- Nêu 1 số website mà em biết

4. Ôn tập về thư điện tử

- Thư điện tử là gì? Ưu điểm của việc sử dụng thư điện tử
- Mô tả quá trình hoạt động của thư điện tử
- Cách đăng kí hộp thư
- Mở hộp thư, gửi thư, đọc thư, trả lời thư...

12. MÔN MỸ THUẬT 9 – TUẦN 8

BÀI 9: VẼ TRANG TRÍ - TẬP PHÓNG TRANH, ẢNH

(2 TIẾT)

Nội dung bài

I/ Quan sát, nhận xét

Phóng tranh ảnh nhằm phục vụ cho sinh hoạt và học tập, tạo điều kiện phát triển khả năng quan sát, kiên trì, chính xác.

II/ Cách phóng tranh, ảnh

1. Cách 1: Kẻ vuông

- Kẻ vuông trên tranh, ảnh mẫu.
- Phóng to tỉ lệ kích thước đã định.
- Tìm vị trí của hình qua các đường kẻ vuông.
- Vẽ hình cho giống mẫu.

2. Cách 2: Kẻ đường chéo

- Kẻ đường chéo và các ô hình chữ nhật nhỏ trên tranh, ảnh mẫu.
- Phóng to tỉ lệ theo kích thước đã định.
- Tìm vị trí của hình qua các đường chéo vào vuông hình chữ nhật.
- Vẽ hình cho giống mẫu

III/ Thực hành

Tập phóng tranh ảnh theo ý thích (khổ A3)

13. MÔN THỂ DỤC 9 – TUẦN 8

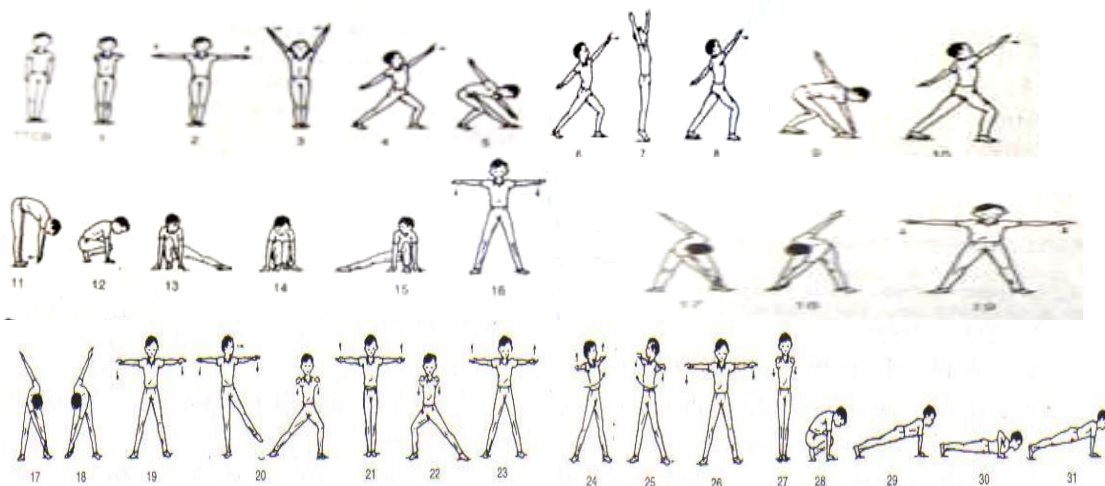
Bài học: BÀI THỂ DỤC – CHẠY NGẮN

NỘI DUNG BÀI HỌC

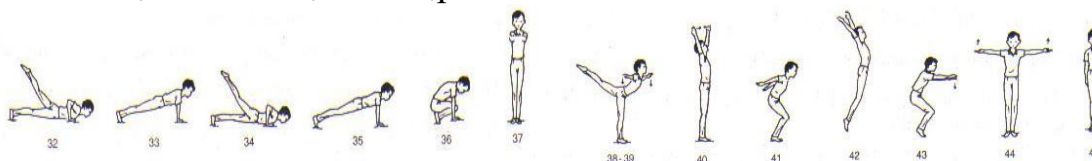
1. Hoạt động hình thành kiến thức.

1.1. Bài thể dục Liên hoàn:

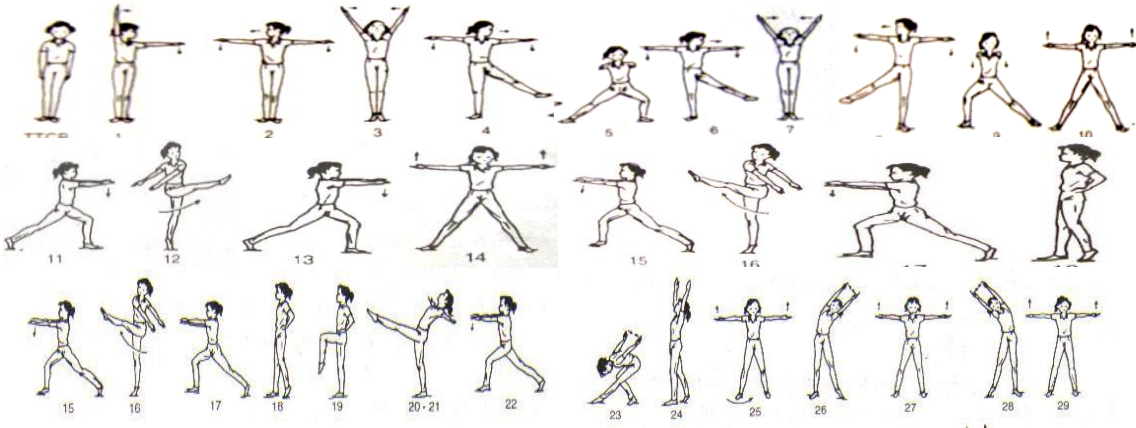
- Nam: Ôn tập bài thể dục từ nhịp 1 – 31.



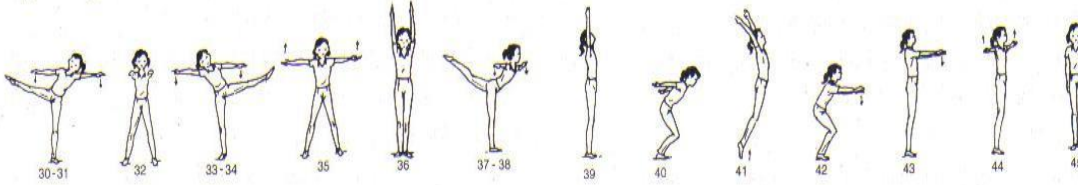
- Nam: Học bài thể dục từ nhịp 32– 45.



- Nữ: Ôn tập bài thể dục từ nhịp 1-29.

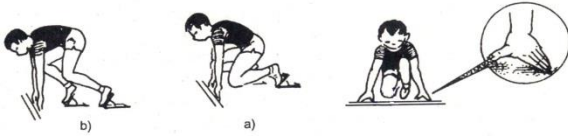


- Nữ: Học bài thể dục từ nhịp 30 - 45.



1.2. Chạy cự li ngắn:

- Xuất phát thấp



- Chạy lao.



- Chạy giữa quãng.



2. Hoạt động vận dụng :

- Bài tập về nhà : Ôn tập bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 - 45 của nam và nữ 1 - 45.

- Luyện tập chạy cự li 60m.